Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 4015.90.20

Mã HS	4015.90.20
Mô tả hàng hóa	Sản phẩm may mặc và đồ phụ trợ may mặc (kể cả găng tay, găng hở ngón và găng bao tay), dùng cho mọi mục đích, bằng cao su lưu hóa trừ cao su cứng / - Loại khác: / - - Bộ đồ của thợ lặn
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	03/11/2026 21:56:00
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/40159020/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	22.5	22,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K6548
Thuế NK ưu đãi (MFN)	15	15%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N6548
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q6548
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH, MY)	0% (trừ KH, MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	3	3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	7,5	7,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục B)	7,5	7,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	7,5	7,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	7,5	7,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	7,5	7,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	8,2	8,2%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	8.6	8,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E6353
ATIGA	2022	2022	0	AT!E6308
ATIGA	2023	2023	0	AT!F6308
ATIGA	2024	2024	0	AT!G6308
ATIGA	2025	2025	0	AT!H6308
ATIGA	2026	2026	0	AT!I6308
ATIGA	2027	2027	0	AT!J6308
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	1	AJ!E6358
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F6358

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G6358
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H6358
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I6358
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J6358
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	VJ!E6356
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	1	VJ!F6356
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G6356
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H6356
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I6356
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J6356
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F6360
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H6314
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F6316
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G6316
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H6316
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I6316
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J6316
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K6316
VKFTA	2022	2022	0	VK!E6336
VKFTA	2023	2023	0	VK!F6336
VKFTA	2024	2024	0	VK!G6336
VKFTA	2025	2025	0	VK!H6336
VKFTA	2026	2026	0	VK!I6336
VKFTA	2027	2027	0	VK!J6336
VCFTA	2022	2022	3	VC!D6389
VCFTA	2023	2023	1	VC!E6389

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F6389
VCFTA	2025	2025	0	VC!G6389
VCFTA	2026	2026	0	VC!H6389
VCFTA	2027	2027	0	VC!I6389
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D6371
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E6371
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F6371
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G6371
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H6371
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I6371
AHKFTA	2022	2022	9	AKH!D6379
AHKFTA	2023	2023	6	AKH!E6379
AHKFTA	2024	2024	6	AKH!F6379
AHKFTA	2025	2025	3	AKH!G6379
AHKFTA	2026	2026	3	AKH!H6379
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I6379
EVFTA	2022	2022	7,5	EV-NK!D6372
EVFTA	2023	2023	5	EV-NK!E6372
EVFTA	2024	2024	2,5	EV-NK!F6372
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G6372
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H6372
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I6372
UKVFTA	2022	2022	7,5	UKV!D6374
UKVFTA	2023	2023	5	UKV!E6374
UKVFTA	2024	2024	2,5	UKV!F6374
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G6374

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H6374
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I6374
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D6338
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E6338
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F6338
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G6338
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H6338
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I6338
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J6338
RCEP A	2022	2022	13,5	RCEPT-A!D6371
RCEP A	2023	2023	12	RCEPT-A!E6371
RCEP A	2024	2024	10,5	RCEPT-A!F6371
RCEP A	2025	2025	9	RCEPT-A!G6371
RCEP A	2026	2026	7,5	RCEPT-A!H6371
RCEP A	2027	2027	6	RCEPT-A!I6371
RCEP B	2022	2022	13,5	B!D6371
RCEP B	2023	2023	12	B!E6371
RCEP B	2024	2024	10,5	B!F6371
RCEP B	2025	2025	9	B!G6371
RCEP B	2026	2026	7,5	B!H6371
RCEP B	2027	2027	6	B!I6371
RCEP C	2022	2022	13,5	C!D6371
RCEP C	2023	2023	12	C!E6371
RCEP C	2024	2024	10,5	C!F6371
RCEP C	2025	2025	9	C!G6371
RCEP C	2026	2026	7,5	C!H6371

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	6	C!I6371
RCEP D	2022	2022	13,6	D!D6371
RCEP D	2023	2023	12,3	D!E6371
RCEP D	2024	2024	10,9	D!F6371
RCEP D	2025	2025	9,5	D!G6371
RCEP D	2026	2026	8,2	D!H6371
RCEP D	2027	2027	6,8	D!I6371
RCEP E	2022	2022	13,5	E!D6374
RCEP E	2023	2023	12	E!E6374
RCEP E	2024	2024	10,5	E!F6374
RCEP E	2025	2025	9	E!G6374
RCEP E	2026	2026	7,5	E!H6374
RCEP E	2027	2027	6	E!I6374
RCEP F	2022	2022	13,5	F!D6371
RCEP F	2023	2023	12	F!E6371
RCEP F	2024	2024	10,5	F!F6371
RCEP F	2025	2025	9	F!G6371
RCEP F	2026	2026	7,5	F!H6371
RCEP F	2027	2027	6	F!I6371
VIFTA	2024	2024	12.9	VI!F5888
VIFTA	2025	2025	10.7	VI!G5888
VIFTA	2026	2026	8.6	VI!H5888
VIFTA	2027	2027	6.4	VI!I5888

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 4015.90 có 3 dòng thuế; dòng 4015.90.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Bộ đồ của thợ lặn.	4015.90.10 Tạp dề chì để chống phóng xạ; 4015.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 4015.90.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 15% của mã 4015.90.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N6548), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)

Chính sách mặt hàng
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.